



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Ward, Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

8

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

9 – 37

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cần	Phó Chủ tịch
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Lê Anh Long	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Trưởng ban
Ông Khương Tịnh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên

**Ban Giám đốc**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Huỳnh Phước Huyền Vy, Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Nguyễn Văn Cần, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.



Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.


  
 ền Văn Căn

Nguyễn Văn Cần  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Số: 335/2025/BCSX-E.AFA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 08 năm 2025 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Hà Định**

**Giám đốc kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2883-2024-240-1

Người được ủy quyền

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

*Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.921.122.319</b>	<b>34.289.136.388</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>9.076.654.495</b>	<b>3.899.327.136</b>
1. Tiền	111		4.076.654.495	3.899.327.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>11.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	-	11.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.414.103.168</b>	<b>4.323.530.770</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	5.962.298.999	3.999.051.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	646.781.808	277.415.733
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	104.321.833	142.060.065
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(299.299.472)	(94.996.378)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>24.430.364.656</b>	<b>14.566.278.482</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.579.506.732	14.715.420.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(149.142.076)	(149.142.076)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19.925.171.210</b>	<b>19.970.479.748</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.746.331.588</b>	<b>16.587.891.192</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	1.597.008.171	1.438.567.775
Nguyên giá	222		13.200.939.249	13.010.138.192
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.603.931.078)	(11.571.570.417)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	15.149.323.417	15.149.323.417
Nguyên giá	228		15.149.323.417	15.149.323.417
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.10</b>	<b>2.966.081.785</b>	<b>3.150.877.211</b>
1. Nguyên giá	231		16.618.239.762	16.618.239.762
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.652.157.977)	(13.467.362.551)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>212.757.837</b>	<b>231.711.345</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	212.757.837	231.711.345
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>59.846.293.529</b>	<b>54.259.616.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21.557.170.307</b>	<b>10.724.712.975</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.801.729.907</b>	<b>9.862.244.575</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	18.029.196.605	6.721.168.763
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	29.557.693	39.443.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	880.635.857	1.095.716.001
4. Phải trả người lao động	314		-	625.580.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	117.796.964	88.688.498
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	528.244.951	404.996.466
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	382.604.042	262.979.320
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		833.693.795	623.671.526
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>755.440.400</b>	<b>862.468.400</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	755.440.400	862.468.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.289.123.222</b>	<b>43.534.903.161</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.18</b>	<b>38.289.123.222</b>	<b>43.534.903.161</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.000.000.000	2.638.377.649
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.581.823.222	8.189.225.512
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		852.958.892	696.340.132
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.728.864.330	7.492.885.380
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>59.846.293.529</b>	<b>54.259.616.136</b>



**Nguyễn Văn Cần**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025

**Lê Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Ngọc Hạnh**  
Người lập



Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	33.895.791.572	35.430.009.797
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	102.652.388	294.044.134
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.793.139.184	35.135.965.663
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	25.210.734.279	26.332.164.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.582.404.905	8.803.800.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	234.435.095	339.448.060
7. Chi phí tài chính	22	5.5	-	13.777.593
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	13.777.593
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	4.957.057.678	5.052.249.603
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	1.613.237.247	1.366.816.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.246.545.075	2.710.405.081
11. Thu nhập khác	31	5.8	9.321.990	46.228.852
12. Chi phí khác	32	5.9	15.000.003	23.607.872
13. Lợi nhuận khác	40		(5.678.013)	22.620.980
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.240.867.062	2.733.026.061
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	512.002.732	599.515.605
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.728.864.330	2.133.510.456
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	547	676
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	547	676



Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.240.867.062	2.733.026.061
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		338.476.087	477.598.400
Các khoản dự phòng	03		204.303.094	(87.487.920)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(157.438.602)	(188.636.030)
Chi phí lãi vay	06		-	13.777.593
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.626.207.641	2.948.278.104
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.402.450.833)	(3.242.526.387)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.864.086.174)	(17.842.701.444)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.901.995.221	8.742.360.689
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.953.508	80.467.850
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(10.654.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(805.670.390)	(435.703.695)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(164.622.000)	(293.188.114)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>310.326.973</b>	<b>(10.053.667.166)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(312.121.057)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		11.500.000.000	10.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		265.013.943	218.540.040
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>11.452.892.886</b>	<b>9.050.358.222</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	-	10.115.892.955
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	-	(5.049.004.375)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.585.892.500)	(6.592.699.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(6.585.892.500)</b>	<b>(1.525.810.670)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50		<b>5.177.327.359</b>	<b>(2.529.119.614)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.899.327.136	5.269.100.442
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	70		<b>9.076.654.495</b>	<b>2.739.980.828</b>

Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Lê Mạnh  
Kế toán trưởngNguyễn Thị Ngọc Hạnh  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 05 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 07 năm 2025.

Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 74 người (31/12/2024: 75).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: Sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ nghe nhìn;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- In ấn. Chi tiết: In ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia liên kết khai thác các ấn phẩm khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
1. Nhà sách Đà Nẵng	Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
2. Nhà sách Đà Nẵng 3	Số 409 Đường Phan Châu Trinh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
3. Nhà sách Hòa Khánh	Số 812 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
4. Nhà sách Cẩm Lệ	Số 42 Đường Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
5. Nhà sách Thanh Khê	Số 722 Đường Trần Cao Vân, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
6. Nhà in	Số 98 Đường Núi Thành, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**2.3. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2025</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**3.8. Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**3.9. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

***Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

***Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư***

***Nhà cửa, vật kiến trúc***

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<b><u>Năm 2025</u></b>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- BĐSĐT chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;
- BĐSĐT chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán;
- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động;
- Hàng tồn kho chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

- Bất động sản xây dựng chuyển thành BĐSĐT khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư (trong giai đoạn xây dựng phải kế toán theo Chuẩn mực kế toán – Tài sản cố định hữu hình.)

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 02 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.12. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

**3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.16. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**3.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.21. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, sách giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật,...: không chịu thuế;
- Các loại sách khác và thiết bị, văn phòng phẩm: 5% - 10%;
- Các dịch vụ khác: 8% (Công ty được áp dụng mức thuế suất 8% kể từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ).

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.24. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7.

**3.25. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	224.531.639	48.153.732
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.852.122.856	3.851.173.404
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.076.654.495</b>	<b>3.899.327.136</b>

**4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	11.500.000.000	11.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.500.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	79.610.688	2.222.657.408
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	873.294.906	990.294.906
Công ty Phát hành Báo chí Trung Ương	2.251.451.163	-
Nhà sách Phương - Lê Thị Phụng Trang	1.091.940.374	-
Các đối tượng khác	1.666.001.868	786.099.036
<b>Cộng</b>	<b>5.962.298.999</b>	<b>3.999.051.350</b>
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan – xem thêm mục 8	79.610.688	2.222.657.408

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH Education Solutions Việt Nam	124.816.767	165.810.347
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	100.000.000	70.565.386
Công ty CP Sách Cánh Diều Miền Trung	416.755.036	-
Các đối tượng khác	5.210.005	41.040.000
<b>Cộng</b>	<b>646.781.808</b>	<b>277.415.733</b>

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	15.120.548	-	122.695.889	-
Tạm ứng	27.252.828	-	18.118.852	-
Các khoản khác	61.948.457	-	1.245.324	-
<b>Cộng</b>	<b>104.321.833</b>	<b>-</b>	<b>142.060.065</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	924.605.906	625.306.434	236.948.866	141.952.488
<b>Cộng</b>	<b>924.605.906</b>	<b>625.306.434</b>	<b>236.948.866</b>	<b>141.952.488</b>

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND			Tại ngày 01/01/2025 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	Trên 3 năm	31.311.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	78.667.776	39.333.888	Từ 01 năm - dưới 02 năm			
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	794.627.130	571.972.546	Từ 6 tháng - dưới 01 năm	195.667.776	136.967.443	Từ 6 tháng - dưới 01 năm
Nhà sách Sông Hàn 2	-	-		9.970.090	4.985.045	Từ 01 năm - dưới 02 năm
Công ty Luật TNHH Võ Xuân Nhân	20.000.000	14.000.000	Từ 01 năm - dưới 02 năm	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>924.605.906</b>	<b>625.306.434</b>		<b>236.948.866</b>	<b>141.952.488</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	219.722.077	-	102.032.481	-
Thành phẩm	332.767.647	-	407.025.297	-
Hàng hóa	24.027.017.008	149.142.076	14.206.362.780	149.142.076
<b>Cộng</b>	<b>24.579.506.732</b>	<b>149.142.076</b>	<b>14.715.420.558</b>	<b>149.142.076</b>

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/6/2025.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P/ tiện vận tải, truyền dẫn	T/bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	7.991.497.872	2.350.451.327	2.339.967.639	328.221.354	13.010.138.192
Mua trong kỳ	-	-	252.330.148	59.790.909	312.121.057
Giảm khác	-	-	-	(121.320.000)	(121.320.000)
Tại ngày 30/06/2025	7.991.497.872	2.350.451.327	2.592.297.787	266.692.263	13.200.939.249
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	6.606.769.864	2.350.451.327	2.339.967.639	274.381.587	11.571.570.417
Khấu hao trong kỳ	125.133.576	-	3.917.454	24.629.631	153.680.661
Giảm khác	-	-	-	(121.320.000)	(121.320.000)
Tại ngày 30/06/2025	6.731.903.440	2.350.451.327	2.343.885.093	177.691.218	11.603.931.078
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	1.384.728.008	-	-	53.839.767	1.438.567.775
Tại ngày 30/06/2025	1.259.594.432	-	248.412.694	89.001.045	1.597.008.171

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 của TSCĐ hữu hình là 1.018.445.046 VND đã được dùng để duy trì hợp đồng vay hạn mức tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.389.519.970 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2025	15.149.323.417	15.149.323.417
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>15.149.323.417</b>	<b>15.149.323.417</b>
Khấu hao:		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2025	15.149.323.417	15.149.323.417
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>15.149.323.417</b>	<b>15.149.323.417</b>

- Thừa đất số 26, tờ bản đồ số 13 tại 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE572290 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19 tháng 07 năm 2011, giá trị 5.330.204.600 VND.
- Thừa đất số 18, tờ bản đồ số 10 tại 42 Đường Ông Ích Đường, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG258663 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27 tháng 09 năm 2000, giá trị 3.277.575.560 VND.
- Thừa đất số 102a, tờ bản đồ số HK8 tại 812 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R346918 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 11 năm 2000, giá trị 890.428.369 VND.
- Thừa đất số 94, tờ bản đồ số 18 tại 722 Đường Trần Cao Vân, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 63954 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003, giá trị 4.114.963.522 VND.
- Thừa đất số B4-27, tờ bản đồ số KT04/5, tại Đường Ngô Quyền, khu An Hòa, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI356456 do Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04 tháng 07 năm 2007, giá trị 1.272.055.366 VND.
- Thừa đất số III-01, tờ bản đồ số KT04/8, số nhà 44 Đường Trần Quang Diệu, Phường An Hải Nam, Thành phố Đà Nẵng, giá trị 264.096.000 VND.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 5.330.204.600 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
<u>Bất động sản đầu tư:</u>				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	16.618.239.762	-	-	16.618.239.762
<b>Cộng</b>	<b>16.618.239.762</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.618.239.762</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	13.652.157.977	184.795.426	-	13.467.362.551
<b>Cộng</b>	<b>13.652.157.977</b>	<b>184.795.426</b>	<b>-</b>	<b>13.467.362.551</b>
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	-			-
Nhà	2.966.081.785			3.150.877.211
<b>Cộng</b>	<b>2.966.081.785</b>			<b>3.150.877.211</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư là 2.966.081.785 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 7.378.468.373 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công cụ dụng cụ	212.757.837	231.711.345
<b>Cộng</b>	<b>212.757.837</b>	<b>231.711.345</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Bảo Anh	775.526.070	775.526.070	378.774.176	378.774.176
Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân	359.814.330	359.814.330	390.609.980	390.609.980
Công ty TNHH MTV TM & DV VH Minh Long	787.773.310	787.773.310	423.722.710	423.722.710
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục ĐN	7.661.808.174	7.661.808.174	-	-
Các đối tượng khác	8.444.274.721	8.444.274.721	5.528.061.897	5.528.061.897
<b>Cộng</b>	<b>18.029.196.605</b>	<b>18.029.196.605</b>	<b>6.721.168.763</b>	<b>6.721.168.763</b>
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan – xem thêm mục 8	139.294.500	139.294.500	13.510.000	13.510.000

**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty CP Con Cưng	24.640.000	24.640.000
Công ty TNHH Sách và TBGD Phước Lộc	2.902.670	2.902.670
Các đối tượng khác	2.015.023	11.900.947
<b>Cộng</b>	<b>29.557.693</b>	<b>39.443.617</b>

**4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	285.296.821	1.213.144.463	1.353.149.663	425.302.021
Thuế thu nhập doanh nghiệp	367.929.952	512.002.732	805.670.390	661.597.610
Thuế thu nhập cá nhân	178.584	394.338.689	402.976.475	8.816.370
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	227.230.500	318.552.994	91.322.494	-
Lệ phí môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>880.635.857</b>	<b>2.446.038.878</b>	<b>2.661.119.022</b>	<b>1.095.716.001</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trích trước chi phí tiền điện	117.796.964	64.197.144
Chi phí vận chuyển sách, thiết bị	-	4.893.000
Chi phí khác	-	19.598.354
<b>Cộng</b>	<b>117.796.964</b>	<b>88.688.498</b>

**4.16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê văn phòng	528.244.951	404.996.466
<b>Cộng</b>	<b>528.244.951</b>	<b>404.996.466</b>

**4.17. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	93.401.600	30.756.200
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	241.819.200	182.291.200
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	43.159.820	29.052.320
Các khoản phải trả khác	4.223.422	20.879.600
<b>Cộng</b>	<b>382.604.042</b>	<b>262.979.320</b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	755.440.400	862.468.400
<b>Cộng</b>	<b>755.440.400</b>	<b>862.468.400</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2024	30.000.000.000	2.707.300.000	2.233.025.419	8.107.044.592	43.047.370.011
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	2.133.510.456	2.133.510.456
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(405.352.230)	(405.352.230)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	405.352.230	(405.352.230)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	30.000.000.000	2.707.300.000	2.638.377.649	2.829.850.588	38.175.528.237
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	5.359.374.924	5.359.374.924
Tại ngày 01/01/2025	30.000.000.000	2.707.300.000	2.638.377.649	8.189.225.512	43.534.903.161
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	1.728.864.330	1.728.864.330
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(374.644.269)	(374.644.269)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	361.622.351	(361.622.351)	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Tại ngày 30/06/2025	30.000.000.000	2.707.300.000	3.000.000.000	2.581.823.222	38.289.123.222

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ông Nguyễn Văn Cẩn	10.660.850.000	7.143.950.000
Ông Thái Văn May	-	3.516.900.000
Ông Lê Trường Kỹ	11.118.800.000	11.118.800.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	3.220.350.000	3.220.350.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.18.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND / Cổ phần		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty	1.728.864.330	2.133.510.456
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(86.443.217)	(106.675.523)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.642.421.113	2.026.834.933
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>547</b>	<b>676</b>

4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.728.864.330	2.133.510.456
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(86.443.217)	(106.675.523)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.642.421.113	2.026.834.933
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>547</b>	<b>676</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2024 được tính là lợi nhuận sau thuế trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phê duyệt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2025 được tính là lợi nhuận sau thuế trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch được nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025.

4.18.7. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/NQ/HĐQT ngày 25/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2024 bằng tiền với số tiền 6.600.000.000 VND (tương đương 22% vốn điều lệ).

4.18.8. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ Đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	2.638.377.649
Trích trong kỳ	361.622.351
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>3.000.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Doanh thu bán hàng	29.506.997.845	30.164.994.687
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	4.388.793.727	5.265.015.110
<b>Cộng</b>	<b>33.895.791.572</b>	<b>35.430.009.797</b>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	791.784.541	1.153.708.283

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Hàng bán bị trả lại	102.652.388	294.044.134
<b>Cộng</b>	<b>102.652.388</b>	<b>294.044.134</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	23.671.278.553	24.444.382.429
Giá vốn của thành phẩm đã bán	364.771.083	303.633.367
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	973.038.046	1.437.365.777
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	201.646.597	146.783.417
<b>Cộng</b>	<b>25.210.734.279</b>	<b>26.332.164.990</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	157.438.602	156.817.848
Doanh thu hoạt động tài chính khác	76.996.493	182.630.212
<b>Cộng</b>	<b>234.435.095</b>	<b>339.448.060</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	13.777.593
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>13.777.593</b>

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.589.355.695	3.659.024.424
Chi phí vật liệu, bao bì	92.678.000	131.892.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	86.654.684	95.567.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.141.052	173.355.312
Chi phí dịch vụ mua ngoài	920.190.854	851.445.332
Chi phí bằng tiền khác	125.037.393	140.964.046
<b>Cộng</b>	<b>4.957.057.678</b>	<b>5.052.249.603</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.174.664.634	1.185.957.110
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.650.137	22.698.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.539.609	1.420.812
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.682.916	149.463.368
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.985.045)	(87.487.920)
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.581.250	17.205.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	209.288.139	-
Chi phí bằng tiền khác	45.815.607	69.559.227
<b>Cộng</b>	<b>1.613.237.247</b>	<b>1.366.816.456</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.8. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	331.464
Hoa hồng viễn thông	4.452.714	4.113.388
Thanh lý TSCĐ, công cụ	-	32.909.091
Các khoản khác	4.869.276	8.874.909
<b>Cộng</b>	<b>9.321.990</b>	<b>46.228.852</b>

**5.9. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí phạt thuế và chậm nộp thuế	-	268.545
Chi phí không phục vụ hoạt động SXKD	15.000.000	15.000.000
Chi phí khác	3	8.339.327
<b>Cộng</b>	<b>15.000.003</b>	<b>23.607.872</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	351.881.123	458.301.685
Chi phí nhân công	5.029.702.038	5.108.207.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.476.087	477.598.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.878.772.324	2.205.213.702
Chi phí bằng tiền khác	441.544.969	179.872.306
<b>Cộng</b>	<b>8.040.376.541</b>	<b>8.429.193.312</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.240.867.062	2.733.026.061
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	319.146.597	264.551.962
- <i>Thu lao HĐQT và BKS</i>	99.000.000	99.000.000
- <i>Phí niêm yết</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Chi phí giá vốn vượt định mức</i>	201.646.597	146.783.417
- <i>Chi phí khác</i>	3.500.000	3.768.545
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Trừ: Lỗ từ các năm trước chuyển sang	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	2.560.013.659	2.997.578.023
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	512.002.732	599.515.605
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>512.002.732</b>	<b>599.515.605</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo khuế ước thông thường	-	10.115.892.955
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.115.892.955</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	5.049.004.375
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.049.004.375</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, in ấn;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ.

Kết quả hoạt động kinh doanh	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu	29.506.997.845	30.164.994.687	4.388.793.727	5.265.015.110	33.895.791.572	35.430.009.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	102.652.388	294.044.134	-	-	102.652.388	294.044.134
Giá vốn	24.237.696.233	24.894.799.213	973.038.046	1.437.365.777	25.210.734.279	26.332.164.990
Chi phí không phân bổ					6.570.294.925	6.419.066.059
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					2.012.109.980	2.384.734.614
Thu nhập tài chính					234.435.095	339.448.060
Chi phí tài chính					-	13.777.593
Thu nhập khác					9.321.990	46.228.852
Chi phí khác					15.000.003	23.607.872
Lãi (lỗ) hoạt động khác					(5.678.013)	22.620.980
Lợi nhuận trước thuế TNDN					2.240.867.062	2.733.026.061
Thuế TNDN					512.002.732	599.515.605
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1.728.864.330	2.133.510.456



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tài sản cố định	16.746.331.588	16.587.891.192	2.966.081.785	3.150.877.211	19.712.413.373	19.738.768.403
Tài sản không phân bổ					40.133.880.156	34.520.847.733
<b>Tổng tài sản</b>					<b>59.846.293.529</b>	<b>54.259.616.136</b>
Nợ phải trả của bộ phận	18.317.336.104	7.555.569.382	1.525.504.551	1.449.756.066	19.842.840.655	9.005.325.448
Nợ phải trả không phân bổ					1.714.329.652	1.719.387.527
<b>Tổng nợ</b>					<b>21.557.170.307</b>	<b>10.724.712.975</b>
	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao	153.680.661	178.135.812	184.795.426	299.462.588	338.476.087	477.598.400

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |                                       |  |
|---------------------------------------|--|
| 1. Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO | Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO là thành viên HĐQT của Công ty |
| 2. Công ty TNHH Go-Working            | Giám đốc là thành viên cùng gia đình   |
| 3. Công ty TNHH Nguyên Huy            | Giám đốc là thành viên cùng gia đình   |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  | Nhân sự quản lý chủ chốt   |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	79.610.688	2.222.657.408
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.3</b>	<b>79.610.688</b>	<b>2.222.657.408</b>

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả người bán ngắn hạn Công ty TNHH Nguyên Huy	139.294.500	13.510.000
<b>Cộng - Xem thêm mục 4.12</b>	<b>139.294.500</b>	<b>13.510.000</b>

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	728.836.114	741.549.018
Công ty TNHH Go-Working	62.948.427	412.159.265
<b>Cộng - Xem thêm mục 5.1</b>	<b>791.784.541</b>	<b>1.153.708.283</b>

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng Công ty TNHH Nguyên Huy	894.244.912	652.149.073
<b>Cộng</b>	<b>894.244.912</b>	<b>652.149.073</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chia cổ tức		
Ông Lê Trường Kỳ	2.446.136.000	2.446.136.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	1.100.000.000	1.100.000.000
Ông Nguyễn Văn Cần	1.571.669.000	1.571.669.000
<b>Cộng</b>	<b>5.117.805.000</b>	<b>5.117.805.000</b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Nguyễn Văn Cần	PCT HĐQT, Giám đốc	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên HĐQT, P.GĐ	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Anh Long	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Trưởng ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Khương Tịnh	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>159.000.000</b>	<b>159.000.000</b>

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Cần	PCT HĐQT, Giám đốc	240.880.384	204.044.616
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên HĐQT, P.GĐ	96.890.000	86.903.076
Ông Lê Mạnh	Kế toán trưởng	97.190.000	87.303.076
<b>Cộng</b>		<b>434.960.384</b>	<b>378.250.768</b>

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG****Công ty là bên cho thuê**

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	4.388.793.727	5.265.015.110



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Số 76-78 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	528.244.951	404.996.466
<b>Cộng</b>	<b>528.244.951</b>	<b>404.996.466</b>

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 10/07/2025, Công ty được Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh Sở Tài Chính Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về thay đổi địa chỉ của Công ty theo địa giới hành chính mới.

Ngoài sự kiện trên, Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh  
Người lập

CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG

Mã chứng khoán: BED

Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, p Hải Châu TP Đà Nẵng

**GIẢI TRÌNH  
LỢI NHUẬN SAU THUẾ BÁN NIÊN NĂM 2025  
GIẢM SO VỚI LỢI NHUẬN SAU THUẾ BÁN NIÊN NĂM 2024**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2025 của Công ty có lợi nhuận sau thuế lãi 1.728.864.330 đồng, giảm 18,96% - tương ứng giảm 404.646.126 đồng so với cùng kỳ năm 2024 ( Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2024 là: 2.133.510.456 đồng) là do những nguyên nhân sau:

**Về doanh thu và lợi nhuận gộp:**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024 là 1.342.826.479 đồng, tương ứng giảm 3,82%.

Hầu hết các mặt hàng có doanh thu giảm là Sách giáo khoa, sách thiếu nhi, truyện các loại, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm và dịch vụ cho thuê văn phòng.

Doanh thu sản phẩm in các loại tăng.

Doanh thu từ hoạt động bán lẻ của các nhà sách có tăng nhẹ so với cùng kỳ.

Doanh thu bán sỉ sách giáo khoa giảm.

Từ những lý do trên làm cho lợi nhuận gộp 6 tháng năm 2025 giảm so với cùng kỳ 2024 là: 221.395.768 đồng, tương ứng giảm 2,51%.

**Về chi phí:**

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 tăng 151.228.866 đồng - tương ứng tăng 2,35%.

Các khoản mục chi phí tăng là điện, dịch vụ mua ngoài, vận chuyển, bảo hiểm chế độ...

Các khoản mục chi phí giảm là vật liệu bao bì, đồ dùng, khấu hao TSCĐ, sửa chữa, trích lương, ngoài giờ, ...

Thu nhập tài chính và thu nhập khác 6 tháng năm 2025 giảm 119.534.364 đ tương ứng giảm 34,32% so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu là do tiền gửi có kỳ hạn giảm nên tiền lãi giảm.

Trên đây là những giải trình về nguyên nhân làm lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2025 của Công ty giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Công ty kính giải trình.

**NGƯỜI LẬP**

Nơi gửi:  
Như trên  
Lưu HC-TC

*Lê Mạnh*

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 08 năm 2025



*Nguyễn Văn Cần*